

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-11-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy**

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Phương L, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Số 01 Đào Đ, phường Thượng L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số 21, Lô U8 Đà N, phường Cầu Tr, quận Ngô Qu, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đắc Qu, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Số 01 Đào Đ, phường Thượng L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Gifu ken minokamo shi Kusabuech, Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Phương L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đắc Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày **20 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau ở Việt Nam được một thời gian thì anh Qu quay về Nhật Bản để sinh sống và làm việc. Trước khi quay về Nhật Bản anh Qu có hứa sẽ làm thủ tục để bảo lãnh chị sang Nhật Bản để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên việc đoàn tụ vợ chồng của chị và anh Qu không thực hiện được do hồ sơ của chị bị từ chối. Do khoảng cách địa lý thời gian vợ chồng xa cách khá dài nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm

được tiếng nói chung. Chị và anh Qu đã sống ly thân từ thời gian anh Qu về Nhật Bản đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và cũng không liên lạc với nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh Qu đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đắc Qu.

Về con chung: Chị và anh Qu không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Qu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, anh Nguyễn Đắc Qu trình bày:

Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị L. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Phương L. Về con chung: Anh và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Nguyễn Đắc Qu đang ở nước ngoài; chị L và anh Qu đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương L và bị đơn anh Nguyễn Đắc Qu đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Phương L và anh Nguyễn Đắc Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L hiện đang sống tại thành phố Hải Phòng, Việt Nam và anh Qu hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Phương L đã nhận được các văn bản của Tòa án hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Đắc Qu đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị L nhận văn bản tố tụng của Tòa án, tài liệu của anh đã được xác nhận bởi Đại sứ quán Việt Nam tại

Nhật Bản. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Qu.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Qu, huyện Ân Th, tỉnh Hưng Yên. Anh chị chung sống cùng nhau tại Việt Nam được một thời gian thì anh Qu sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Thời gian vợ chồng xa cách, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến thời gian gần đây, anh chị đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Bản thân anh chị và gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Qu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Phương L.

[4] Về con chung: Chị L và anh Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh Qu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Phương L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Qu được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Phương L,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Phương L được ly hôn anh Nguyễn Đắc Qu.

2. Về con chung: Chị L và anh Qu không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh Qu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Phương L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0000048 ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Đắc Qu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Hồng Qu, huyện Ân Th, tỉnh Hưng Yên;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phích

